

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 12/2022/ HNGĐ -ST

Ngày: 12-8-2022.

V/v: *Tranh chấp*

“Xin ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến D.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thủy – Bà Nguyễn Thị Trung Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Kiều Oanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 8 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp *“Xin ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/QĐXX-ST ngày 27/6/2022; theo quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “ Có mặt”.

* Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “ Vắng mặt lần 2 không có lý do”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị với anh Hoàng Văn D chung sống với nhau và kết hôn với nhau năm

2000 tại UBND xã M. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do anh D thường xuyên ăn nhậu, tính gia trưởng.

Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn D.

Về con chung: Chị và anh D có 03 người con chung là Hoàng Thị T, sinh ngày 21/10/2000; Hoàng Anh Đ1, sinh ngày 23/10/2012 và Hoàng Huyền D1, sinh ngày 12/3/2013. Cháu T đã trưởng thành, chị yêu cầu nuôi Hoàng Anh Đ1 và Hoàng Huyền D1, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai.

*** Bị đơn anh Hoàng Văn D:** Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên họp và hòa giải, phiên tòa lần 1 và lần 2 không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án như sau:**

+ Thủ tục tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án cũng như đương sự là nguyên đơn tại phiên tòa đều chấp hành đúng qui định tại: các Điều 170; 171; 172; 191; 195; 196; 205; 208; 209; 210 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; các Điều 35; 147 và Điều 171 BLTTDS. Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Điều 6; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn D.

- Về con chung: Cần giao 02 con chung là Hoàng Anh Đ1 và Hoàng Huyền D1 cho chị L trực tiếp nuôi.

- Tài sản và công nợ: Không yêu cầu và không có nợ nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kiến nghị của các đương sự và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Hoàng Văn D. Đây là vụ kiện tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[II] Nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn D được tự do tìm hiểu và tự nguyện cùng nhau kết hôn với nhau năm 2000 tại UBND xã M, huyện Đ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh D thường xuyên đi nhậu, tính gia trưởng. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ1 được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị L là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh D để giải phóng cho cả hai bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Chị L và anh D có 03 người con chung là Hoàng Thị T, sinh ngày 21/10/2000; Hoàng Anh Đ1, sinh ngày 23/10/2012 và Hoàng Huyền D1, sinh ngày 12/3/2013. Tại phiên tòa anh D vắng mặt không thể hiện có nguyện vọng nuôi con hay không. Tuy nhiên 02 cháu Hoàng Anh Đ1 và Hoàng Huyền D1 cũng có lời khai xin được ở với mẹ HĐXX xét thấy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho chị L nuôi con, phù hợp nguyện vọng của con trẻ, nên cần giao chị L nuôi 02 cháu; anh D được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, xét là phù hợp Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu chia tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[III] Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 150 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị L đối với anh Hoàng Văn D. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn D.

[2] Con chung: Xử giao 02 cháu Hoàng Anh Đ1, sinh ngày 23/10/2012 và Hoàng Huyền D1, sinh ngày 12/3/2013 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

(Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình).

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp đủ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000388 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự trong vụ án;
- Chi cục Thi Hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Tiến Dũng

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tiến D

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:
Các Hội thẩm nhân dân

**Nguyễn Thị Loan – Nguyễn Thị
Trung Lan**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Nguyễn Thị Trung Lan

Nguyễn Thị Loan

